

Các nhân tố tác động đến chất lượng tài sản của các ngân hàng thương mại Việt Nam

NGUYỄN THỊ MỸ DUNG*
ĐỖ CAO THỊ NGẠN TRIỀU**

Tóm tắt

Nghiên cứu thực hiện kiểm tra và phân tích thống kê 17 ngân hàng thương mại Việt Nam trong giai đoạn 2012-2020 để tìm ra các nhân tố tác động đến chất lượng tài sản của ngân hàng. Kết quả nghiên cứu cho thấy, các nhân tố: Tăng trưởng GDP; Tỷ giá hối đoái; Giá trị vốn hóa thị trường; Tỷ lệ cho vay ngân hàng và Quy mô ngân hàng có tác động đáng kể về mặt thống kê đến chất lượng tài sản của ngân hàng.

Từ khóa: chất lượng tài sản ngân hàng, giá trị vốn hóa, tỷ giá hối đoái

Summary

Based on an analysis of data collected from 17 Vietnamese commercial banks for the period 2012-2020, this study aims to identify determinants of bank asset quality. The findings indicate that Real GDP growth rate, Exchange rate, Market capitalisation, Bank lending and Bank size have statistically significant impact on bank asset quality.

Keywords: bank asset quality, market capitalisation, exchange rate

GIỚI THIỆU

Việc phân tích, đánh giá chất lượng tài sản của ngân hàng (thông qua các chỉ số, như: CAR, ROA, NPA, COR...) sẽ giúp cho các nhà quản trị ngân hàng nắm rõ đặc điểm về tài sản của ngân hàng, cũng như mức độ rủi ro đối với tài sản. Từ đó, có cơ sở để ra quyết định duy trì hay điều chỉnh các khoản mục tài sản này sao cho phù hợp với mục tiêu của ngân hàng (tăng khả năng sinh lợi trong mức rủi ro mà ngân hàng có thể chấp nhận được, nhưng vẫn đảm bảo các quy định an toàn trong hoạt động ngân hàng). Đặc biệt, việc phân tích này góp phần gia tăng hiệu quả trong quản trị rủi ro (rủi ro thanh khoản, rủi ro tín dụng, rủi ro lãi suất...).

Phân tích chất lượng của tài sản ngân hàng thương mại không chỉ đưa ra những khuyến nghị thiết thực cho các ngân hàng thương mại, mà còn cho những cơ quan giám sát hoạt động của các ngân hàng thương mại - thường xuyên phân tích và đánh giá những nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng tài sản ngân hàng thương mại

sẽ giúp ngân hàng trung ương đưa ra các chính sách phù hợp và kịp thời trong quản lý và điều hành của mình, đảm bảo sự ổn định thật sự của hệ thống ngân hàng thương mại.

CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU

Có nhiều nhân tố tác động đến chất lượng tài sản của ngân hàng, nhưng qua khảo sát của tác giả, thì hầu hết tất cả các nghiên cứu thực nghiệm trên thế giới đều cho thấy có 2 nhóm nhân tố chính, gồm: các nhân tố vĩ mô và các nhân tố thuộc đặc trưng ngân hàng.

Các nhân tố vĩ mô trong nghiên cứu này bao gồm: Tăng trưởng GDP; Lạm phát; Tỷ giá hối đoái; Giá trị vốn hóa thị trường (MCAP); Tỷ lệ cho vay ngân hàng (LR); Tốc độ tăng trưởng chỉ số sản xuất công nghiệp (IIPGR); Tốc độ gia tăng tiết kiệm (SVGR).

Cùng các nhân tố vĩ mô, nhiều nghiên cứu thực nghiệm trên thế giới cũng cho thấy rằng, các nhân tố thuộc đặc trưng ngân hàng có ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng tài sản ngân hàng. Đặc biệt, trong nghiên cứu của Vigneswara Swamy (2012) đã phân tích thực nghiệm một cách toàn diện của các nhân tố quyết định chất lượng tài sản và lợi nhuận của ngân hàng trong phạm vi các ngân hàng Ấn Độ và góp phần vào sự phát triển lý thuyết về chất lượng tài sản. Các nhân tố mang tính đặc trưng của ngân hàng có tác động đến

* ThS., ** ThS., Trường Đại học Tài chính - Kế toán

Ngày nhận bài: 26/4/2022; Ngày phản biện: 10/5/2022; Ngày duyệt đăng: 15/5/2022

BẢNG 1: MA TRẬN TƯƠNG QUAN GIỮA CÁC BIẾN TRONG MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU

	NPA	GDPGR	ER	MCAP	LR	IIPGR	INFLA	SVGR	ASSET	CAR	CDR	COF	ROA	CREDGR	OER	ROI
NPA	1.000															
GDPGR	-0.139	1.000														
ER	0.001	-0.290	1.000													
MCAP	-0.087	0.350	-0.302	1.000												
LR	-0.143	0.388	-0.015	-0.105	1.000											
IIPGR	-0.080	0.851	-0.442	0.285	0.310	1.000										
INFLA	0.003	-0.181	0.745	-0.289	-0.280	-0.515	1.000									
SVGR	-0.029	0.397	-0.427	-0.005	-0.011	0.523	-0.347	1.000								
ASSET	0.377	-0.289	0.092	-0.181	-0.161	-0.203	0.049	-0.198	1.000							
CAR	-0.338	-0.031	0.025	0.038	-0.022	-0.064	0.046	-0.039	-0.395	1.000						
CDR	0.019	0.152	-0.001	0.089	0.040	0.181	-0.038	0.054	-0.071	0.127	1.000					
COF	0.010	-0.350	0.477	-0.215	-0.410	-0.438	0.625	-0.316	0.160	-0.015	0.144	1.000				
ROA	-0.379	0.221	0.091	0.096	0.309	0.125	0.061	-0.109	-0.252	0.370	-0.079	-0.213	1.000			
CREDGR	-0.158	0.286	-0.179	0.117	0.334	0.251	-0.176	0.011	-0.164	0.253	0.206	-0.110	0.246	1.000		
OER	0.341	-0.355	0.068	-0.148	-0.356	-0.292	0.141	-0.049	0.241	-0.109	0.031	0.374	-0.313	-0.332	1.000	
ROI	-0.052	0.083	0.063	-0.005	0.161	0.033	0.053	0.044	-0.080	0.015	0.167	0.057	0.358	-0.013	0.240	1.000

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả

chất lượng tài sản ngân hàng được xem xét trong các nghiên cứu gồm: Quy mô ngân hàng (ASSET); Hệ số An toàn vốn (CAR); Dư nợ cho vay/Tiền gửi (CDR); Chi phí sử dụng vốn (COF); Tỷ suất sinh lợi/Tổng tài sản (ROA); Tăng trưởng tín dụng (CREDGR); Chi phí hoạt động/Tổng tài sản (OER); Suất sinh lợi/Tổng vốn đầu tư (ROI).

Mô hình nghiên cứu

Để nghiên cứu các nhân tố tác động chất lượng tài sản của các ngân hàng thương mại Việt Nam trong giai đoạn 2012-2020, tác giả kế thừa nghiên cứu của Vighneswara Swamy (2012). Từ đó, đề xuất mô hình nghiên cứu như sau:

$$GNPA_{it} = \alpha + \beta_1 GDPGR_{it} + \beta_2 ER_{it} + \beta_3 MCAP_{it} + \beta_4 LR_{it} + \beta_5 IIPGR_{it} + \beta_6 INFLA_{it} + \beta_7 SVGR_{it} + \beta_8 ASSET_{it} + \beta_9 CAR_{it} + \beta_{10} CDR_{it} + \beta_{11} COF_{it} + \beta_{12} ROA_{it} + \beta_{13} CREDGR_{it} + \beta_{14} OER_{it} + \beta_{15} ROI_{it} + \delta_{it} + \gamma_t + \varepsilon_{it}$$

Trong đó:

- NPA: Là biến phụ thuộc đại diện cho chất lượng tài sản của ngân hàng thương mại, được đo lường bằng chỉ tiêu nợ xấu ròng được nhóm tác giả thu thập từ báo cáo tài chính của 17 ngân hàng thương mại và lấy log cho chỉ số này.

- GDPGR: Là biến độc lập đại diện cho nhân tố tăng trưởng kinh tế được đo lường bằng chỉ tiêu “Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân năm của Việt Nam” được nhóm tác giả thu thập từ báo cáo của Word Bank.

- ER: Là biến độc lập đại diện cho nhân tố vĩ mô được đo lường bằng chỉ tiêu “Thay đổi tỷ giá hối đoái

USD/VND hàng năm” được nhóm tác giả thu thập từ báo cáo của Word Bank.

- MCAP: Là biến độc lập đại diện cho nhân tố vĩ mô được đo lường bằng chỉ tiêu “Giá trị vốn hóa thị trường” được nhóm tác giả thu thập từ báo cáo của Word Bank.

- LR: Là biến độc lập đại diện cho nhân tố vĩ mô được đo lường bằng chỉ tiêu “Tỷ lệ cho vay hàng năm” được nhóm tác giả thu thập từ báo cáo của Word Bank.

- IIPGR: Là biến độc lập đại diện cho nhân tố tăng trưởng kinh tế được đo lường bằng chỉ tiêu “Tốc độ tăng trưởng chỉ số giá công nghiệp hàng năm của Việt Nam” được nhóm tác giả thu thập từ báo cáo của Word Bank.

- INFLA: Là biến độc lập đại diện cho nhân tố tăng trưởng kinh tế được đo lường bằng chỉ tiêu “Tỷ lệ lạm phát hàng năm của Việt Nam” được nhóm tác giả thu thập từ báo cáo của Word Bank.

- SVGR: Là biến độc lập đại diện cho nhân tố tăng trưởng kinh tế được đo lường bằng chỉ tiêu “Tốc độ gia tăng tiết kiệm hàng năm của Việt Nam” được nhóm tác giả thu thập từ báo cáo của Word Bank.

- ASSET: Quy mô ngân hàng được đo lường bằng chỉ tiêu log(Tổng tài sản ngân hàng).

- CAR: Hệ số an toàn vốn, được đo lường bằng chỉ tiêu Vốn tự có/Tổng tài sản có rủi ro.

- CDR: Dư nợ cho vay/tiền gửi, được đo lường bằng chỉ tiêu Dư nợ cho vay/Tiền gửi.

- COF: Chi phí sử dụng vốn, được đo lường bằng chỉ tiêu Chi phí trả lãi/Nợ phát sinh lãi.

- ROA: Suất sinh lời trên tổng tài sản, được đo lường bằng chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản.

- CREDGR: Tăng trưởng tín dụng, được đo lường bằng chỉ tiêu Tốc độ tăng trưởng tín dụng hàng năm của ngân hàng.

- OER: Chi phí hoạt động/Tổng tài sản, được đo lường bằng chỉ tiêu Chi phí hoạt động/Tổng tài sản.

- ROI: Suất sinh lợi/Tổng vốn đầu tư, được đo lường bằng chỉ tiêu:

$$ROI = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế} + \text{lãi vay}}{\text{Tổng tài sản}} \times (1 - \text{thuế suất})$$

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Phân tích tương quan và đa cộng tuyến

Ma trận hệ số tương quan từng đôi được trình bày trong Bảng 1 cho thấy mối tương quan giữa các biến sử dụng trong mô hình hồi quy (*Bài viết sử dụng cách viết số thập phân theo chuẩn quốc tế*).

Hơn nữa, để xác định rằng hiện tượng đa cộng tuyến giữa các biến có tồn tại hay không, nghiên cứu này thực hiện kiểm định hệ số phóng đại phương sai (Variance Inflation Factor - VIF). Kết quả kiểm định VIF cho thấy, hệ số phóng đại VIF của các biến trong mô hình đều nhỏ hơn 10, điều này cho thấy rằng, mô hình nghiên cứu không xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến (Kennedy, 1992).

Kết quả hồi quy và các kiểm định

Tác giả tiến hành phân tích hồi quy đa biến bằng phương pháp phân tích dữ liệu bảng lần lượt chạy từng mô hình POOLED, FEM, và REM. Kết quả hồi quy được trình bày trong Bảng 2.

Tiếp theo, tác giả tiến hành kiểm định F để lựa chọn sự phù hợp giữa mô hình Pooled và FEM, kết quả giá trị F là 35.777827 với P-value = 0.0000 < α = 5%, từ đó có thể kết luận bác bỏ giả thuyết H_0 . Điều đó có nghĩa là mô hình FEM sẽ phù hợp hơn so với mô hình Pooled trong nghiên cứu này.

Sau đó, nhóm tác giả tiếp tục sử dụng kiểm định Hausman để lựa chọn sự phù hợp giữa mô hình FEM và REM. Kết

BẢNG 2: TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÂN TÍCH HỒI QUY

Biến	Mô hình		
	Pooled	FEM	REM
C	11.86443 (0.0000)	-4.57847 (0.0926)	2.823246 (0.1146)
GDPGR	-128.368** (0.0286)	-36.9837 (0.1895)	-57.6083*** (0.0366)
ER	3.933328 (0.5606)	4.795892 (0.1223)	5.839543* (0.0583)
MCAP	-0.05015* (0.0969)	-0.01963 (0.2844)	-0.05166*** (0.0010)
LR	-3.03385* (0.0797)	-1.47888 (0.1365)	-2.92257*** (0.0010)
IIPGR	68.40402* (0.0627)	14.52636 (0.4092)	24.53938 (0.1560)
INFLA	6.27413 (0.3806)	-0.00281 (0.9994)	-2.81633 (0.4340)
SVGR	-1.39727** (0.0115)	0.389769 (0.2865)	-0.39649 (0.1807)
ASSET	0.460944*** (0.002)	2.422669*** (0.0000)	1.337475*** (0.0000)
CAR	-0.09975*** (0.0000)	0.011619 (0.3646)	-0.01597 (0.1585)
CDR	-0.00642 (0.1332)	0.001535 (0.5928)	-0.00133 (0.6184)
COF	-0.27815*** (0.0011)	-0.09846 (0.1224)	-0.06817 (0.2484)
ROA	-0.63712** (0.0116)	0.12384 (0.3733)	0.100581 (0.4546)
CREDGR	-0.05696 (0.7572)	-0.15563 (0.1404)	-0.16271 (0.1165)
OER	30.90317 (0.2971)	33.35493* (0.0901)	25.42837 (0.1767)
ROI	1.617374 (0.3335)	0.492885 (0.5769)	0.497565 (0.5685)
R ²	0.631479	0.935696	0.764351
R ² hiệu chỉnh	0.59113	0.919222	0.73855

Ghi chú: *, ** và *** có ý nghĩa thống kê tương ứng ở mức 10%, 5% và 1%

BẢNG 3: KẾT QUẢ MÔ HÌNH REM

Biến	Mô hình REM
GDPGR	-57.6083** (0.0366)
ER	5.839543* (0.0583)
MCAP	-0.05166*** (0.0010)
LR	-2.92257*** (0.0010)
ASSET	1.337475*** (0.0000)

Ghi chú: *, ** và *** có ý nghĩa thống kê tương ứng ở mức 10%, 5% và 1%

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả

quả chỉ số Prob.Chi-Square ở bảng B = 1.0000 > α = 5%, nên kết luận chấp nhận giả thuyết H_0 . Như vậy,

phương pháp ước lượng REM sẽ phù hợp hơn so với FEM. Vì vậy, nghiên cứu sẽ chọn mô hình hồi quy tác động ngẫu nhiên (REM) để phân tích kết quả hồi quy. Kết quả như Bảng 3.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Kết luận

Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, ở Việt Nam các biến có tác động ngược chiều với Chất lượng tài sản của ngân hàng thương mại, thông qua chỉ tiêu Nợ xấu (NPA) của ngân hàng gồm: Tốc độ tăng trưởng GDP (GDPGR); Giá trị vốn hóa thị trường (MCAP); Gia tăng mức cho vay (LR). Đồng thời, Tỷ giá hối đoái (ER) và Quy mô ngân hàng (ASSET) của các ngân hàng thương mại có tác động cùng chiều đối với nợ xấu (NPA).

Từ kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đưa ra các kết luận như sau:

Một là, tốc độ tăng trưởng GDP có tác động ngược chiều với nợ xấu. Điều đó có nghĩa là khi nền kinh tế phát triển một cách mạnh mẽ, thu nhập của các công ty và hộ gia đình được tăng lên có thể cải thiện khả năng trả nợ dễ dàng hơn, nợ xấu thấp hơn.

Hai là, sự thay đổi tỷ giá hối đoái có tác động cùng chiều với nợ xấu. Mối tương quan dương chỉ ra rằng, tỷ giá hối đoái tăng (tức đồng nội tệ giảm giá) làm suy giảm sức mạnh triển vọng nền kinh tế, từ đó dẫn đến nguy cơ nợ xấu tăng lên.

Ba là, giá trị vốn hóa thị trường có tác động ngược chiều với nợ xấu. Khi nền kinh tế có mức vốn hóa thị trường lớn, thu nhập của các công ty và hộ gia đình được tăng lên có thể cải thiện khả năng trả nợ dễ dàng hơn, nợ xấu thấp hơn.

Bốn là, sự gia tăng cho vay (LR) có tác động ngược chiều với nợ xấu. Điều này cho thấy rằng, khi mức cho vay tăng lên, thì quy trình quản lý, giám sát cho vay cũng tốt hơn, dẫn đến nợ xấu giảm.

Cuối cùng, quy mô ngân hàng (ASSET) có mối tương quan dương với nợ xấu (NPA). Mối tương quan dương chỉ ra rằng, các ngân hàng thương mại càng mở rộng hoạt

động bao gồm: gia tăng lượng tài sản, phát triển về quy mô, thì nợ xấu càng tăng.

Khuyến nghị

Dựa vào kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đề ra một số khuyến nghị nhằm nâng cao chất lượng tài sản của ngân hàng thương mại như sau:

Thứ nhất, về vấn đề tăng trưởng GDP: Tỷ lệ tăng trưởng GDP có tác động ngược chiều đến nợ xấu (NPA) của các ngân hàng thương mại Việt Nam. Khi chủ trương, cơ chế chính sách hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh được ban hành, như: giảm lãi suất cho vay, hỗ trợ các doanh nghiệp tăng trưởng sản xuất sẽ làm tăng thu nhập và tăng khả năng trả nợ của doanh nghiệp. Vì thế, khi kích thích tăng trưởng GDP, Nhà nước nên chú ý tiếp tục thực hiện nhất quán mục tiêu tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, đồng thời điều hành chủ động, linh hoạt các công cụ chính sách tiền tệ, phối hợp chặt chẽ, đồng bộ với chính sách tài khóa.

Thứ hai, về vấn đề mở rộng quy mô ngân hàng: Quy mô ngân hàng có tác động ngược chiều nợ xấu (NPA) của các ngân hàng thương mại, quy mô của ngân hàng càng tăng, thì NPA của ngân hàng càng tăng. Một ngân hàng khi mở rộng quy mô cần chú ý đến việc phát triển nguồn nhân lực có số lượng và trình độ tương xứng, quy trình quản lý rủi ro được rà soát chặt chẽ, tránh tình trạng càng mở rộng quy mô, rủi ro càng nhiều và vượt khỏi tầm kiểm soát của ban lãnh đạo ngân hàng.

Ngoài ra, các ngân hàng cần thường xuyên theo dõi, cơ cấu lại danh mục tài sản theo hướng tối ưu đảm bảo cho ngân hàng hoạt động an toàn và hiệu quả. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Abata, Matthew Adeolu (2014). Asset Quality and Bank Performance: A Study of Commercial Banks in Nigeria, *Research Journal of Finance and Accounting*, 5(8)
2. Peter Dattels (2012). *Bank Asset Quality in Emerging Markets: Determinants and Spillovers*, International Monetary Fund
3. Abdul Latif Alhassan, Anthony Kyereboah-Coleman, Charles Andoh (2014). *Asset quality in a crisis period: An empirical examination of Ghanaian banks*, Model RDF-48; No. of Pages 13 Article in press available online at www.sciencedirect.com
4. Grzegorz Halaj (2013). *Optimal asset Structure of a Bank Bank reactionS to StreSSful market conditions*, European Central Bank (ECB)
5. Kennedy (1992). *Debiasing audit judgment with accountability: A framework and experimental results*, Duke University ProQuest Dissertations Publishing
6. Vighneswara Swamy (2012). *Determinants of Bank Asset Quality and Profitability - An Empirical Assessment*, Associate Professor, Department of Finance, IBS-Hyderabad, INDIA